

Số: 6209 /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 10 năm 2016

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kết luận 119-KL/TW ngày 04/01/2016 của

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị Quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

ĐẾN Số: 2950
Ngày: 31/10/2016

Chuyên: Ngày: 04/01/2016, Ban Bí thư ban hành Kết luận số 119-KL/TW về tiếp
Lưu hồ sơ số: thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá IX) về tiếp
tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình (sau đây gọi tắt là Kết luận 119-KL/TW). Ngày 26/01/2016 Tỉnh ủy Quảng Ngãi có Công văn số 283- CV/TU về việc triển khai thực hiện Kết luận số 119-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư.

Để tiếp tục triển khai thực hiện Nghị Quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2015 của Bộ Chính trị (khoá IX) về “tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình” (sau đây gọi tắt là Nghị Quyết số 47-NQ/TW) theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư tại Kết luận số 119-KL/TW, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. Đánh giá sơ lược 10 năm thực hiện Nghị Quyết số 47-NQ/TW trên địa bàn tỉnh

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đạt được một số kết quả quan trọng. Nhận thức rõ tầm quan trọng và ý nghĩa lâu dài của Nghị quyết 47-NQ/TW, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành, mặt trận, đoàn thể và các tổ chức xã hội tích cực triển khai thực hiện; đưa công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình thành một trong những nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên trong chương trình hoạt động, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương, cơ quan, đơn vị. Công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục được quan tâm thường xuyên; công tác truyền thông dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình triển khai tích cực hơn. Đã có sự chuyển biến tích cực về hôn nhân và sinh đẻ của người dân; ngày càng có nhiều người kết hôn, sinh con phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và hoàn cảnh kinh tế; tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai ngày càng tăng; số người hưởng lợi từ dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản ngày càng nhiều, đặc biệt người dân ở các xã khó khăn; quy mô gia đình nhỏ 02 con được chấp nhận ngày càng rộng rãi, tốc độ gia tăng dân số được khống chế. Cụ thể:

- Tỷ suất sinh thô sau hơn 10 năm thực hiện, mức sinh trên địa bàn tỉnh từ 16,60‰ năm 2005 xuống còn 15,11‰ năm 2010 và 14,60‰ năm 2015, như vậy bình quân mỗi năm tỷ suất sinh thô giảm gần 0,2‰.

- Số con bình quân của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn tỉnh từ 2,21 con năm 2005 xuống 2,07 năm 2010 và xuống còn 2,03 con năm 2015.

- Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên dao động qua các năm: từ 15,09% năm 2005 xuống còn 11,29% năm 2015.

- Tỷ số giới tính khi sinh từ 119 bé trai/100 bé gái năm 2005 xuống còn 117 bé trai/100 bé gái năm 2010 và còn 110,3 bé trai/100 bé gái năm 2015.

- Chỉ tiêu thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại đạt và vượt so với kế hoạch trên giao qua các năm: từ 105,61% năm 2005 lên 107,7% năm 2010 và đạt 100,8% năm 2015.

- Chất lượng dân số từng bước được nâng lên; công tác chăm sóc sức khỏe trong các chương trình phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân đã đóng góp rất lớn trong việc nâng cao chất lượng dân số về sức khỏe thể chất, nâng cao tuổi thọ trung bình (Năm 2015 là 74 tuổi)

Những kết quả trên đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước hết là đóng góp vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, tiến trình xây dựng nông thôn mới; cải thiện chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Tồn tại hạn chế, nguyên nhân

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình vẫn còn một số tồn tại, hạn chế và những vấn đề thách thức đặt ra trong giai đoạn tới: việc chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW của Trung ương ở một số ngành, địa phương chưa thật sự đồng bộ, quyết liệt. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý những đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sinh con thứ 3 trở lên có nơi chưa kịp thời nghiêm túc. Mức sinh giảm chậm, chưa bền vững, vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng dân số trở lại; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên tuy có giảm nhưng còn chậm và thiếu bền vững; tốc độ tăng dân số tự nhiên có giảm nhưng chưa bền vững; tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao so với quy luật sinh sản tự nhiên (từ 103 đến 107 trẻ em trai/100 trẻ em gái). Vấn đề tảo hôn vẫn còn diễn ra ở các địa phương, đặc biệt là ở các xã miền núi vùng đồng dân tộc thiểu số sinh sống. Việc thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần, nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) từng bước được quan tâm, tuy nhiên chưa được nghiên cứu đánh giá đầy đủ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn ở mức cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp.

Những tồn tại, hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, nhưng tập trung ở các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Một số cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể cơ sở chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, ý nghĩa chiến lược của công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình, còn tư tưởng chủ quan thoả mãn trước những kết quả bước đầu đạt được dẫn đến buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý; sự phối kết hợp hoạt động giữa các ngành, đoàn thể tuy có nhiều cố gắng, nhưng còn thiếu đồng bộ, chặt chẽ. Một số cán bộ, đảng viên không gương mẫu, nhưng chưa được xử lý nghiêm và kịp thời.

- Công tác truyền thông giáo dục, cung cấp dịch vụ và xây dựng chế độ, chính sách chưa được đẩy mạnh, còn nhiều bất cập; việc triển khai thực hiện các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại Trạm Y tế tuyến xã còn hạn chế; kinh phí cho cấp xã không đủ để trang trải.

- Tổ chức bộ máy làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình trong thời gian qua còn nhiều bất cập; cán bộ bị xáo trộn, thiếu yên tâm; trình độ năng lực của một số cán bộ chuyên trách và cộng tác viên còn nhiều mặt hạn chế; cán bộ chuyên trách dân số xã chưa được tuyển dụng thành viên chức y tế.

- Một bộ phận người dân còn giữ quan niệm lạc hậu về việc sinh con, muốn có đông con, có con trai để nối dõi tông đường còn khá nặng nề.

II. Các căn cứ xây dựng kế hoạch:

- Kết luận số 119-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá IX) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình;

- Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khoẻ sinh sản (DS và SKSS) Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

- Nghị quyết số 03/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về công tác DS-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi trong tình hình mới;

- Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án thực hiện công tác DS-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi trong tình hình mới.

- Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án kiểm soát dân số vùng biển, đảo và ven biển năm 2009.

- Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Quảng Ngãi.

III. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục duy trì xu thế giảm sinh một cách hợp lý; giữ vững mức sinh thay thế; kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; tiếp tục tăng cường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, trong đó đặc biệt quan tâm các đối tượng vị thành niên/thanh niên, người di cư, vùng sâu, vùng xa, vùng biển và các nhóm yếu thế dễ bị tổn thương; đa dạng hóa phương thức cung cấp các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình nhằm chia sẻ gánh nặng kinh phí với nhà nước, bao gồm các phương thức: miễn phí, tiếp thị xã hội và thị trường tự do; cải thiện và giảm sự chênh lệch giữa các vùng, dân tộc về sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình, từng bước nâng cao chất lượng dân số góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Giảm mức sinh một cách bền vững để đạt mức sinh thay thế bình quân toàn tỉnh vào năm 2020, đảm bảo quy mô dân số phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:

- Mức giảm tỷ suất sinh hàng năm 0,2‰;
- Tỷ suất sinh thô đến năm 2020 còn 13,6‰;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 không quá 0,92%¹;
- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên đến năm 2020 dưới 10%;
- Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ) giảm xuống còn 2,01 con vào năm 2020;
- Quy mô dân số trung bình đến năm 2020 không quá 1.288 nghìn người.

b) Nâng cao sức khỏe, giảm tỷ lệ bệnh, tật ở trẻ sơ sinh:

- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh 14%;
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc 30%.

c) Kiểm soát mức tăng tỷ số giới tính khi sinh, tỷ số giới tính khi sinh dưới mức 115 trẻ em trai/100trẻ em gái vào năm 2020.

d) Tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại đạt 80% vào năm 2020.

đ) Nâng cao năng lực quản lý, giám sát, thống kê báo cáo.

- 100% cán bộ làm công tác lập kế hoạch dân số-kế hoạch hóa gia đình được tập huấn phương pháp lập kế hoạch dựa vào bằng chứng và kỹ năng giám sát việc thực hiện kế hoạch.

- Xây dựng và triển khai thực hiện thường xuyên, có chất lượng giám sát hoạt động dân số-kế hoạch hóa gia đình tại các tuyến.

- 100% cán bộ làm công tác thu thập, báo cáo được tập huấn về nghiệp vụ thống kê.

V. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng, chính quyền đối với công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình

- UBND các cấp từ tỉnh đến cơ sở phải nghiêm túc thực hiện đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW trong 10 năm qua, xác định cụ thể những kết quả đã đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân. Kiểm điểm cụ thể trách nhiệm của tập thể, cá nhân các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hành động; đề ra biện pháp khắc phục những yếu kém, bất cập; đặc biệt phải ngăn chặn khuynh hướng sinh con thứ 3 trở lên và tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; đưa công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình thành nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động của cấp ủy Đảng và chính quyền; nêu cao tính gương mẫu đi đầu của cán bộ, đảng viên, nhất là việc xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt Kết luận số 119-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư kết hợp với quán triệt lại các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết 47-NQ/TW đã đề ra, nhằm nâng cao nhận thức; phấn đấu sớm đạt mục tiêu mức sinh thay thế, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng dân số và ý thức trách nhiệm trong tổ chức thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể chính trị xã hội và toàn xã hội.

- Nâng cao trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể nhân dân; đồng thời huy động các tổ chức chính trị, chính trị xã hội tích cực tham gia. Phát huy tính chủ động và thế mạnh chuyên ngành, nhất là trong phối hợp với các đoàn thể chính trị-xã hội và địa phương cơ sở để nghiên cứu, triển khai thử nghiệm một số mô hình mới nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh và can thiệp nâng cao chất lượng dân số. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho mỗi gia đình, mỗi người dân tự nguyện thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, đồng thời khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và Đề án đẩy mạnh công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình đến năm 2020 và những năm tiếp theo; kế hoạch tổng thể nâng cao chất lượng dân số.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục và vận động thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm làm chuyên biến sâu sắc hơn nữa về nhận thức, tâm lý, tập quán sinh đẻ trong toàn xã hội. Vận động toàn xã hội chấp nhận và thực hiện mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con để

nuôi dạy cho tốt. Việc tuyên truyền, vận động phải sâu sát, cụ thể, phù hợp với từng đối tượng. Chú ý vận động những cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ nói không với những hành vi lựa chọn giới tính thai nhi và không sinh con thứ ba trở lên.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình trong và ngoài nhà trường cho vị thành niên và thanh niên, tiếp tục thực hiện truyền thông dân số lồng ghép với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình văn hóa-xã hội, quốc phòng-an ninh, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Chú trọng hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động về nâng cao chất lượng dân số; đẩy mạnh công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi; nâng cao trình độ học vấn, trình độ nghề nghiệp, chuyên môn. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục hạn chế mức thất nhất tình trạng tảo hôn ở đối tượng người đồng bào dân tộc.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số, sức khỏe sinh sản. Triển khai mạnh, có chất lượng, hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động với nội dung, hình thức và cách tiếp cận phù hợp với từng vùng miền, nhóm đối tượng, chú trọng khu vực khó khăn, đối tượng khó tiếp cận; đẩy mạnh tuyên truyền qua phương tiện truyền thông đại chúng và truyền thông trực tiếp; phát huy vai trò họ tộc, người cao tuổi trong gia đình nhắc nhở con cháu thực hiện đúng chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình. Xây dựng và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến, khen thưởng những gia đình có nhiều thế hệ chấp hành nghiêm túc quy định của Nhà nước về dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Tiếp tục hướng dẫn và khuyến khích cộng đồng thôn, khu phố đẩy mạnh việc xây dựng hương ước, quy ước nhằm tạo phong trào toàn xã hội thực hiện các mục tiêu của chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

3. Củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dân số-kế hoạch hóa gia đình

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh, huyện, xã. Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh, huyện, xã bảo đảm điều kiện làm việc một cách đồng bộ, thống nhất với cơ quan chuyên trách dân số-kế hoạch hóa gia đình phù hợp với các quy định hiện hành. Thực hiện tốt công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn cập nhật kiến thức nâng cao trình độ nghiệp vụ đối với công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp. Đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị và kinh phí để các Trung tâm dân số-kế hoạch hóa gia đình và Trạm Y tế đủ điều kiện hoạt động và đáp ứng nhu cầu chuyên môn kỹ thuật.

- Có kế hoạch đầu tư xây mới trụ sở Trung tâm Dân số- KHHGD các huyện: Minh Long, Tây Trà, Sơn Tây và TP. Quảng Ngãi.

- Chủ động kiểm soát và giải quyết nguyên nhân sâu xa làm mất cân bằng giới tính của trẻ sơ sinh; xử lý nghiêm các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Cải tiến quản lý dân số theo phương thức quản lý dịch vụ công, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý dân số.

- Tiếp tục củng cố, ổn định, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác dân số ở các xã, phường, thị trấn và đội ngũ cộng tác viên dân số ở các thôn, khu phố. Có chế độ chính sách khuyến khích thỏa đáng về tinh thần và vật chất đối với đội ngũ này.

- Xây dựng và hoàn thiện kho dữ liệu điện tử về dân số cấp tỉnh, cấp huyện để quản lý, điều hành và cung cấp đầy đủ thông tin chính xác các hoạt động của cơ quan dân số-kế hoạch hóa gia đình toàn tỉnh phục vụ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

4. Mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình

Ưu tiên cung cấp dịch vụ dân số-KHHGD miễn phí cho các hộ nghèo, cận nghèo, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người thuộc diện chính sách xã hội. Từng bước xây dựng cơ chế thu phí dịch vụ dân số-KHHGD ở các nhóm đối tượng có thu nhập cao. Thực hiện đúng quy định của Bộ Y tế về phân tuyến kỹ thuật để cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; Đơn vị chuyên môn kỹ thuật tuyến tỉnh thực hiện tốt việc chuyên giao các kỹ thuật cho 100% cơ sở y tế tuyến huyện và một số cơ sở y tế tuyến xã có điều kiện, tạo thành một mạng lưới cung cấp dịch vụ an toàn, chất lượng và thuận tiện cho người dân theo hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế. Đây mạnh việc cung cấp đa dạng các phương tiện tránh thai theo hướng tiếp thị xã hội và thị trường; thực hiện tốt việc tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh của thai nhi và giảm thiểu tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên; phát huy vai trò của y tế tư nhân trong việc tham gia cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

5. Nâng cao chất lượng dân số của tỉnh

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thanh thiếu niên và người cao tuổi; thúc đẩy phong trào rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân và cải thiện môi trường; chủ động và tích cực phòng, chống các dịch bệnh xảy ra ở người, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các bệnh xã hội khác; phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện giảm nghèo bền vững, tăng mức thu nhập bình quân đầu người và phúc lợi xã hội; nâng cao tuổi thọ bình quân trong nhân dân.

6. Giải pháp về tài chính và đầu tư nguồn lực:

- Đề xuất cơ chế chính sách để tập trung nguồn lực, thực hiện mạnh mẽ các giải pháp khuyến khích, hỗ trợ để tiếp tục giảm sinh ở vùng nông thôn, miền núi, vùng ven biển. Có chế độ chính sách và biện pháp cụ thể để ổn định mức sinh, bảo đảm sự bền vững của chính sách dân số.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu y tế-dân số của Trung ương, tăng cường mức đầu tư kinh phí của địa phương cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; tích cực tranh thủ các nguồn hỗ trợ trong và ngoài tỉnh thông qua các chương trình liên kết, viện trợ và huy động sự đóng góp của nhân dân, bảo đảm đầu tư đủ kinh phí, trang thiết bị, cơ sở vật chất và những điều kiện để thực hiện tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Ưu tiên đầu tư cho các vùng đông dân có mức sinh cao, miền núi, vùng ven biển và các đối tượng là người nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách xã hội.

- Cấp ủy, chính quyền các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chủ động cân đối nguồn ngân sách của địa phương và huy động các nguồn ngân sách hợp pháp khác để đầu tư bổ sung đáp ứng nhu cầu của nhân dân sống tại địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý; đồng thời đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu của kế hoạch hành động.

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa về công tác dân số-KHHGD đối với công tác truyền thông giáo dục, cung cấp dịch vụ kỹ thuật về KHHGD.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

- Tham mưu UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kết luận 119-KL/TW của Ban Bí thư và Công văn 283-CV/TU ngày 26/01/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận 119-KL/TW.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác về dân số, sức khỏe sinh sản trên địa bàn tỉnh; lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhằm đảm bảo đạt được chỉ tiêu của kế hoạch đã đề ra góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Trong đó, cần chú trọng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các giải pháp can thiệp về kỹ thuật và xã hội nhằm giảm thiểu các yếu tố gây ảnh hưởng, làm suy giảm chất lượng dân số; đặc biệt cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền cảnh báo và chủ động kiểm soát, giải quyết các nguyên nhân sâu xa làm mất cân bằng giới tính khi sinh; theo dõi, giám sát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, chính sách về dân số, sức khỏe sinh sản cho phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn phát triển.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu đề xuất UBND tỉnh việc tuyển dụng cán bộ dân số xã vào viên chức y tế xã hoặc bố trí đội ngũ này thành cán bộ bán chuyên trách thuộc UBND xã/phường/thị trấn với vị trí việc làm là công tác Dân số- KHHGD tại địa phương (theo hướng dẫn tại Thông tư 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

- Chỉ đạo Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; đồng thời hướng dẫn Trung tâm DS-KHHGD phối hợp với các ban ngành tham mưu UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả.

- Chủ động đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ về dân số - sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng dân số.

- Hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch của các sở, ngành, địa phương; định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận 119-KL/TW của Ban Bí thư; đồng thời đề xuất UBND tỉnh xét khen thưởng kịp thời những đơn vị, cá nhân xuất sắc trong việc thực hiện công tác dân số và sức khỏe sinh sản và nghiêm túc phê bình các đơn vị, cá nhân vi phạm chính sách dân số-KHHGD.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn ngân sách của trung ương, địa phương hàng năm để đảm bảo thực hiện Kế hoạch; kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ dân số-sức khỏe sinh sản; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm; lồng ghép việc đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số-sức khỏe sinh sản trong trong đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

3. Sở Tài chính

Hàng năm tham mưu UBND tỉnh thẩm định, bố trí ngân sách theo đề xuất của Sở Y tế và các địa phương để đảm bảo thực hiện kế hoạch; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện các chương trình, dự án về dân số-sức khỏe sinh sản theo quy định.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp Sở Y tế rà soát, tham mưu UBND tỉnh bố trí đủ biên chế cho Chi cục Dân số - KHHGD và các Trung tâm Dân số - KHHGD các huyện thành phố trên cơ sở đề án vị trí việc làm đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan lồng ghép chương trình giáo dục về giới, giới tính, dân số-sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên; đồng thời bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên, cán bộ y tế trong trường học những lĩnh vực trên; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số và phát triển vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp các sở ngành đưa nội dung giáo dục về giới, giới tính, dân số-sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới vào chương trình hoạt động của công tác Học sinh-Sinh viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; xây dựng chính sách cải thiện phúc lợi cho người cao tuổi; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về Dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương liên quan liên quan tổ chức xác định các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về dân số-sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng dân số.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung về dân số-sức khỏe sinh sản vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

9. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài phát thanh-Truyền hình, Báo Quảng Ngãi:

- Tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số-sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới; thực hiện truyền thông, phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách dân số-sức khỏe sinh sản.

- Phối hợp với Sở Y tế trong công tác thanh, kiểm tra nhằm phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm thông tin có nội dung vi phạm chính sách DS-KHHGD/SKSS; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

10. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh xây dựng hệ thống phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin dân số-sức khỏe sinh sản.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động và các hội, đoàn thể tỉnh phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về dân số - sức khỏe sinh sản cho hội viên và cộng đồng dân cư; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, quản lý nhà nước, giám sát việc thực hiện pháp luật về dân số-sức khỏe sinh sản.

12. UBND các huyện, thành phố

Xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này hàng năm tại địa phương; cân đối bố trí nguồn ngân sách của địa phương để triển khai thực hiện kế hoạch; chủ động, tích cực huy động nguồn lực để thực hiện công tác dân số-sức khỏe sinh sản; đẩy mạnh phối hợp liên ngành; lồng ghép các nội dung về DS-KHHGD/SKSS vào việc

hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hằng năm về kết quả thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn quản lý.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các hội, đoàn thể triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả; định kỳ 06 tháng, 01 năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Y tế)/.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các Hội, đoàn thể;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi
- Chi cục DS-KHHGD tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(KGVX), CBT;
- Lưu: VT, KGVX(HQ562).



**KT. CHỦ TỊCH
HỒ CHỮ TỊCH**

Đặng Ngọc Dũng

